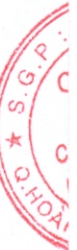


**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN  
PHƯỢNG HOÀNG**

**Báo cáo tài chính**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015  
**đã được kiểm toán**



## MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 – 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 – 05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	05 – 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	12 – 25

03052  
C  
TRÁCH  
DỊCH  
TÀI CH  
VÀ  
NA  
1/1-7

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Phượng Hoàng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

### Khái quát

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phượng Hoàng là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy phép số 96/UBCK – GP ngày 21 tháng 08 năm 2008, giấy phép điều chỉnh số 173/UBCK-GP ngày 26/11/2008 và số 287/UBCK-GP ngày 09 tháng 12 năm 2009 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký thuế số 0102973463 do Cục thuế Tp.Hà Nội cấp ngày 15 tháng 10 năm 2008.

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán.

Trụ sở chính của Công ty tại P224-202-006, 27 Lý Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

### Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

### Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

#### Hội đồng quản trị

Bà Lê Thị Mai Linh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hồng Sơn	Thành viên
Ông Luyện Ngọc Sơn	Thành viên

#### Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Hồng Nghị	Tổng Giám đốc
----------------------	---------------

#### Ban kiểm soát

Nguyễn Thị Kim Ngân	Trưởng ban
Nguyễn Thị Sơn	Thành viên
Lương Thị Hồng Nghĩa	Thành viên

1386  
ÔNG T  
HIỆM H  
VỤ T  
NH KẾ  
ÉM T  
VI VI  
P.HỒ

6  
N  
F  
INC  
SON  
TE



## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

### Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho Công ty.

### Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.



**Thay mặt Ban Tổng Giám đốc**

**Nguyễn Hồng Nghị**  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 08 tháng 03 năm 2016

C.T.C.  
Y  
TU HẠN  
VẤN  
TOÁN  
ÁN  
ÉT  
CHI M

11  
1  
G  
+  
1  
G  
12



Số : 96/BCKT/TC

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Hoàng**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần Chứng khoán Phương Hoàng, được lập ngày 08/03/2016, từ trang 06 đến trang 25, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



## Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Chứng khoán Phương Hoàng tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính  
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN)**



**Phó Giám đốc**

**Kiểm toán viên**

A handwritten signature in blue ink, likely belonging to the auditor.

---

**Cao Thị Hồng Nga**

Số giấy CNĐKHN Kiểm toán: 0613-2013-152-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2016

---

**Nguyễn Hồng Nga**

Số giấy CNĐKHN Kiểm toán: 1266-2013-152-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	100		<b>33.880.627.377</b>	<b>36.228.425.632</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	110	V.1	<b>33.862.266.894</b>	<b>36.025.138.334</b>
1. Tiền	111		33.862.266.894	36.025.138.334
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	120		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	130	V.7	<b>10.622.483</b>	<b>154.600.797</b>
1. Phải thu khách hàng	131		-	115.932.167
2. Trả trước cho người bán	132		9.859.300	9.859.300
3. Các khoản phải thu khác	138		763.183	28.809.330
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	140		-	-
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	150		<b>7.738.000</b>	<b>48.686.501</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		4.899.000	19.412.501
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		2.839.000	29.274.000
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	200		<b>1.296.377.854</b>	<b>1.264.645.726</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	210		-	-
<b>I. Tài sản cố định</b>	220		<b>160.731.649</b>	<b>327.984.568</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.3	83.195.667	114.394.667
- Nguyên giá	222		2.671.677.433	2.671.677.433
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.588.481.766)	(2.557.282.766)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.4	77.535.982	213.589.901
- Nguyên giá	228		914.313.000	914.313.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(836.777.018)	(700.723.099)
<b>II. Bất động sản đầu tư</b>	240		-	-
<b>III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	250		-	-
<b>II. Tài sản dài hạn khác</b>	260		<b>1.135.646.205</b>	<b>936.661.158</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.5	12.431.250	18.913.961
2. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263	V.6	1.123.214.955	917.747.197
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>35.177.005.231</b>	<b>37.493.071.358</b>

03052  
CC  
TRÁCH N  
DỊCH  
TÀI CHÍNH  
VÀ K  
NAI  
VI-T



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	300		<b>3.877.079.710</b>	<b>5.938.922.513</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	310		<b>3.877.079.710</b>	<b>5.938.922.513</b>
1. Phải trả người bán	312		16.147.950	37.939.950
2. Người mua trả tiền trước	313		66.000.000	114.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.8	254.396.373	566.800.875
4. Phải trả người lao động	315		-	208.319.400
5. Chi phí phải trả	316		500	500
6. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.9	3.528.147.514	5.011.861.788
7. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320		12.387.373	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	330		-	-
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	400		<b>31.299.925.521</b>	<b>31.554.148.845</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	410	V.10	<b>31.299.925.521</b>	<b>31.554.148.845</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		35.000.000.000	35.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(3.700.074.479)	(3.445.851.155)
<b>II. Nguồn kinh phí</b>	430		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>35.177.005.231</b>	<b>37.493.071.358</b>



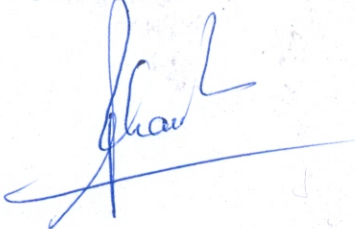
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
6. Chứng khoán lưu ký	006		153.217.940.000	174.717.700.000
Trong đó:				
6.1. Chứng khoán giao dịch	007		148.309.820.000	140.910.100.000
6.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008		-	-
6.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009		148.309.820.000	140.910.100.000
6.2 Chứng khoán ngừng giao dịch	012		1.569.600.000	1.569.600.000
6.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	013		-	-
6.2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014		1.569.600.000	1.569.600.000
6.3 Chứng khoán cầm cố	017		2.700.000.000	14.700.000.000
6.3.2. Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	019		2.700.000.000	14.700.000.000
6.5 Chứng khoán chờ thanh toán	027		636.500.000	17.538.000.000
6.5.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029		636.500.000	17.538.000.000
6.7 Chứng khoán chờ giao dịch	037		2.020.000	-
6.7.2. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039		2.020.000	-

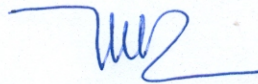
Người lập biểu



Phạm Thị Tuyết Thanh

Hà Nội, ngày 08 tháng 03 năm 2016

Kế toán trưởng



Lê Hồng Hạnh

Tổng Giám đốc



Nguyễn Hồng Nghị



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Năm 2015

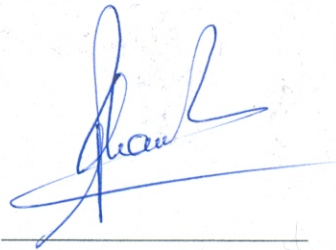
Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
<b>1. Doanh thu</b>	<b>01</b>		<b>4.386.670.602</b>	<b>7.091.884.005</b>
<i>Trong đó:</i>				
- Doanh thu môi giới chứng khoán	01.1		588.130.950	3.473.678.181
- Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		3.330.454.545	2.149.974.130
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		140.837.602	239.413.118
- Doanh thu khác	01.9	VI.1	327.247.505	1.228.818.576
<b>2. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>02</b>		-	-
<b>3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01-02)</b>	<b>10</b>		<b>4.386.670.602</b>	<b>7.091.884.005</b>
<b>4. Chi phí hoạt động kinh doanh</b>	<b>11</b>	VI.2	<b>1.041.551.491</b>	<b>1.930.501.473</b>
<b>5. Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>3.345.119.111</b>	<b>5.161.382.532</b>
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.3	3.599.556.435	4.176.400.306
<b>7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>(254.437.324)</b>	<b>984.982.226</b>
8. Thu nhập khác	31		214.000	-
9. Chi phí khác	32		-	3.000.000
<b>10. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>214.000</b>	<b>(3.000.000)</b>
<b>11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>(254.223.324)</b>	<b>981.982.226</b>
12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.4	-	-
13. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>14. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>		<b>(254.223.324)</b>	<b>981.982.226</b>
<b>15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	VI.5	<b>(73)</b>	<b>281</b>

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Phạm Thị Tuyết Thanh

Lê Hồng Hạnh

Nguyễn Hồng Nghị

Hà Nội, ngày 08 tháng 03 năm 2016

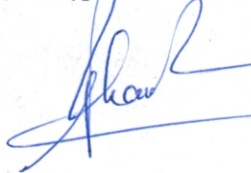


**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Năm 2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(254.223.324)	981.982.226
2. Điều chỉnh cho các khoản		79.013.763	(397.509.680)
- Khấu hao tài sản cố định	02	167.252.919	541.144.601
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(88.239.156)	(1.005.812.838)
- Chi phí lãi vay	06	-	67.158.557
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(175.209.561)	584.472.546
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	170.413.314	10.348.113
- Tăng giảm hàng tồn kho	10	-	-
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(2.061.842.803)	(1.130.276.313)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	20.996.212	362.306
- Tiền lãi vay đã trả	13	-	(67.158.557)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(153.154.018)	(50.443.994)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20	<b>(2.198.796.856)</b>	<b>(652.695.899)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi mua, xây dựng tài sản cố định	21	-	(46.125.000)
2. Tiền thu thanh lý tài sản cố định	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán công cụ nợ đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức lợi nhuận được chia	27	35.925.416	919.718.933
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30	<b>35.925.416</b>	<b>873.593.933</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	28.310.000.000
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	(28.310.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	50	<b>(2.162.871.440)</b>	<b>220.898.034</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	36.025.138.334	35.804.240.300
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	33.862.266.894	36.025.138.334

Người lập biểu



Phạm Thị Tuyết Thanh

Hà Nội, ngày 08 tháng 03 năm 2016

Kế toán trưởng



Lê Hồng Hạnh

Tổng Giám đốc



Nguyễn Hồng Nghị



**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**  
Năm 2015

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm	
	Năm trước	Năm nay	Năm trước		Năm nay		Năm trước	Năm nay
			Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	35.000.000.000	35.000.000.000	-	-	-	-	35.000.000.000	35.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối(a)	(4.427.833.381)	(3.445.851.155)	981.982.226	-	-	254.223.324	(3.445.851.155)	(3.700.074.479)
<b>Cộng</b>	<b>30.572.166.619</b>	<b>31.554.148.845</b>	<b>981.982.226</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>254.223.324</b>	<b>31.554.148.845</b>	<b>31.299.925.521</b>

**Nguyên nhân tăng giảm**

- (a) Lợi nhuận chưa phân phối
- Tăng trong năm trước do kết quả hoạt động kinh doanh trong năm trước lãi
- Giảm trong năm nay do kết quả hoạt động kinh doanh trong năm nay lỗ

Người lập biểu

Phạm Thị Tuyết Thanh

Hà Nội, ngày 08 tháng 03 năm 2016

Kế toán trưởng

Lê Hồng Hạnh



Nguyễn Hồng Nghị



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2015

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phượng Hoàng là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy phép số 96/UBCK – GP ngày 21 tháng 08 năm 2008, giấy phép điều chỉnh số 173/UBCK-GP ngày 26/11/2008 và số 287/UBCK-GP ngày 09 tháng 12 năm 2009 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký thuế số 0102973463 do Cục thuế Tp.Hà Nội cấp ngày 15 tháng 10 năm 2008.

Trụ sở chính của Công ty tại P224-202-006, 27 Lý Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: dịch vụ

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty cung cấp các dịch vụ môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán.

### II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

#### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán ban hành kèm theo thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và thông tư 162/2010/TT-BTC hướng dẫn bổ sung, sửa đổi thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

13884  
CÔNG TY  
HIỆM HỮU  
VỤ TƯ  
NH KẾ  
EM TO  
VIỆ  
P. HỒ



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

### 2. Chế độ kế toán đã ban hành nhưng chưa áp dụng

Ngày 30/12/2014 Bộ tài chính đã ban hành thông tư số 210/2014/TT-BTC về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2016 thay thế cho thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 và thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 về việc hướng dẫn sửa đổi bổ sung thông tư 95/2008/TT-BTC.

### 3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức: Nhật ký chung.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm : tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

### 2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

### 3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên tắc nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do xây dựng hoặc sản xuất bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản phù hợp với thông tư 45/2013/BTC ngày 25/04/2013 như sau:

- Thiết bị quản lý	03-08 năm
- Phần mềm kế toán	03 năm



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**4. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

**5. Nguyên tắc ghi nhận ghi nhận các khoản trả thương mại và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

**6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

**8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

## 10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

## 11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

## 12. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**13. Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

*Nợ phải trả tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác và các khoản vay.

**Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận;
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm

**14. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**1. Tiền**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	225.829.200	1.054.321.600
Tiền gửi ngân hàng	33.636.437.694	34.970.816.734
Trong đó: Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	3.505.977.555	4.985.003.279
<b>Cộng</b>	<b>33.862.266.894</b>	<b>36.025.138.334</b>

0305  
CI  
TRÁCH  
DỊCH  
TÀI CH  
VÀ P  
NA  
VI-T



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

2. Giá trị giao dịch được thực hiện trong năm

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm
a) Cửa công ty chứng khoán	-	-
b) Cửa nhà đầu tư	-	-
- Cổ phiếu	32.844.215	383.383.155.100
- Trái phiếu	32.844.215	383.383.155.100
Cộng	-	-
	<b>32.844.215</b>	<b>383.383.155.100</b>

3. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Thiết bị quản lý
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	
Số tăng trong năm	2.671.677.433
Số giảm trong năm	-
Số dư cuối năm	<u>2.671.677.433</u>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	
Số tăng trong năm	2.557.282.766
Số giảm trong năm	31.199.000
Số dư cuối năm	<u>-</u>
Giá trị còn lại	<u>2.588.481.766</u>
Tại ngày đầu năm	
Tại ngày cuối năm	<u>114.394.667</u>
	<u>83.195.667</u>

4. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Đơn vị tính: VND
	Phần mềm
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	
Số tăng trong kỳ	914.313.000
Số giảm trong kỳ	-
Số dư cuối kỳ	<u>-</u>
Giá trị hao mòn lũy kế	<u>914.313.000</u>
Số dư đầu năm	
Số tăng trong kỳ	700.723.099
Số giảm trong kỳ	136.053.919
Số dư cuối kỳ	<u>-</u>
Giá trị còn lại	<u>836.777.018</u>
Tại ngày đầu năm	
Tại ngày cuối kỳ	<u>213.589.901</u>
	<u>77.535.982</u>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**5. Chi phí trả trước dài hạn**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ	12.431.250	18.913.961
Chi phí trả trước khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>12.431.250</b>	<b>18.913.961</b>

**6. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	742.761.256	589.607.238
Tiền lãi phân bổ	260.453.699	208.139.959
<b>Cộng</b>	<b>1.123.214.955</b>	<b>917.747.197</b>

C.T.  
PHƯƠNG HOÀNG  
CHỨNG KHOÁN  
PHẦN  
T  
THUYẾT MINH



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

7. Các khoản phải thu

Chi tiêu	Số đầu năm			Số phát sinh trong năm			Số cuối năm			Số dự phòng đã lập
	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	Tăng	Giảm	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi		
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	
1. Phải thu khách hàng	115.932.167	-	-	3.931.287.010	4.047.219.177	-	-	-	-	
2. Trả trước người bán	9.859.300	-	-	-	-	9.859.300	-	-	-	
3. Phải thu khác (*)	28.809.330	-	-	51.769.949	79.816.096	763.183	-	-	-	
<b>Cộng</b>	<b>154.600.797</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>3.983.056.959</b>	<b>4.127.035.273</b>	<b>10.622.483</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	

(\*) Chi tiết phải thu khác

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Phải thu các cá nhân khác	763.183	28.809.330
<b>Cộng</b>	<b>8.032.683</b>	<b>28.809.330</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**8. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	174.887.691	6.779.963
Thuế thu nhập cá nhân	79.508.682	560.020.912
<b>Cộng</b>	<b>254.396.373</b>	<b>566.800.875</b>

**9. Các khoản phải trả, phải nộp khác**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.528.147.514	5.011.861.788
<b>Cộng</b>	<b>3.528.147.514</b>	<b>5.011.861.788</b>

**10. Vốn chủ sở hữu**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Số dư đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số dư cuối năm
A	1	2	3	4
<b>I - Vốn chủ sở hữu</b>				
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	35.000.000.000	-	-	35.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	-	-	-	-
3. Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-
4. Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-
5. Quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	-
6. LN sau thuế chưa phân phối	(3.445.851.155)	-	254.223.324	(3.700.074.479)
<b>Tổng cộng</b>	<b>31.554.148.845</b>	<b>-</b>	<b>254.223.324</b>	<b>31.299.925.521</b>

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**1. Doanh thu khác**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi	98.239.156	1.005.812.838
Doanh thu khác	229.008.349	223.005.738
<b>Cộng</b>	<b>327.247.505</b>	<b>1.228.818.576</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**2. Chi phí hoạt động kinh doanh**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	184.687.321	836.179.007
Chi phí lưu ký chứng khoán	146.980.425	307.171.556
Chi phí lãi vay	-	67.158.557
Chi phí khác	709.883.745	719.992.353
<b>Cộng</b>	<b>1.041.551.491</b>	<b>1.930.501.473</b>

**3. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên	2.034.084.417	2.157.301.268
Chi phí khấu hao	167.252.919	541.144.601
Chi phí mua ngoài	1.237.946.020	1.325.874.227
Chi phí khác	160.273.079	152.080.210
<b>Cộng</b>	<b>3.599.556.435</b>	<b>4.176.400.306</b>

**4. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định với thuế suất là 22% trên thu nhập chịu thuế. Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của doanh nghiệp được trình bày dưới đây:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	(254.223.324)	981.982.226
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	-	(981.982.226)
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	3.000.000
+ Chí phí không được khấu trừ	-	3.000.000
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	984.982.226
+ Lỗ năm trước chuyển sang	-	984.982.226
Tổng lợi nhuận tính thuế	(254.223.324)	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	22%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**5. Lãi/Lỗ cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(254.223.324)	981.982.226
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng		
- Các khoản điều chỉnh giảm		
Lãi (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu	(254.223.324)	981.982.226
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	3.500.000	3.500.000
<b>Lãi/ (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(73)</b>	<b>281</b>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. Thông tin về các bên liên quan**

Thu nhập của thành viên Hội đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám đốc

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương, thưởng	636.444.000	820.344.000

**2. Thông tin về bộ phận**

Thông tin về kết quả kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty cụ thể như sau:

Kỳ này	Hoạt động	Hoạt động	Cộng
	môi giới	tư vấn, khác	
Doanh thu thuần	588.130.950	3.798.539.652	4.386.670.602
Chi phí trực tiếp	184.687.321	856.864.170	1.041.551.491
Các chi phí không phân bổ			3.599.556.435
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			(254.437.324)
Thu nhập khác			214.000
Lợi nhuận trước thuế			(254.223.324)
Chi phí thuế TNDN			-
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>			<b>(254.223.324)</b>

Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn : 191.817.448 đồng

5213  
CÔNG  
H NHIỆ  
H VỤ  
CHÍNH  
KIỂM  
AM  
TP.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Tài sản bộ phận và công nợ bộ phận tại ngày 31/12/2015 như sau

Nội dung	Hoạt động	Hoạt động	Cộng
	môi giới	tư vấn, khác	
Tài sản bộ phận	3.505.977.555	-	3.505.977.555
Tài sản không theo bộ phận	-	-	31.671.027.676
<b>Tổng tài sản</b>			<b>35.177.005.231</b>
Nợ phải trả bộ phận	3.499.047.214	66.000.000	3.565.047.214
Nợ phải trả không theo bộ phận	-	-	312.032.496
<b>Tổng nợ phải trả</b>			<b>3.877.079.710</b>

**3. Công cụ tài chính**

**a) Quản lý rủi ro tài chính**

Tổng quan: Các loại rủi ro tài chính mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính là:

- Rủi ro tín dụng
- Rủi ro thanh khoản
- Rủi ro thị trường

**b) Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

**Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền**

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

**Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác**

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Trên cơ sở này, Công ty không có rủi ro tập trung về tín dụng.

**c) Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

884-  
TY  
HỮU  
TƯ V  
KẾ T  
TOÁ  
VIỆT  
HOC



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

### d) *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại : Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

#### **Rủi ro ngoại tệ**

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty giám sát các rủi ro đối với các tài sản và nợ phải trả tài chính bằng ngoại tệ.

#### **Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể hoặc nợ phải trả tài chính có lãi suất cố định.

#### **Rủi ro về giá khác**

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Các cổ phiếu do công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

### e) *Giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính*

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do thông tư 210/2009/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 cũng yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**4. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán.

Người lập biểu

**Phạm Thị Tuyết Thanh**

Hà Nội, ngày 08 tháng 03 năm 2016

Kế toán trưởng

**Lê Hồng Hạnh**



Tổng Giám đốc

**Nguyễn Hồng Nghị**